

## **Ngai Kơnrãñ XIV - B**

*Chúa nhật XIV – B*

### **Bol Ala-bớ lah ñcau ?**

*Ngôn sứ là ai ?*

Làng gít bol Ala-bớ lah cau lờ gen he pal đal mớ iăt Sră-goh, tài bớh mìnğ Sră-goh đớ lờ broă lờ mớ jónau đớ bol khai dê.

*Để có thể biết các ngôn sứ là ai thì chúng ta cần phải đọc và nghe kinh Thánh, bởi vì chỉ có Kinh Thánh nói rõ việc làm và lời nói của họ.*

Broă lờ mớ jónau đớ lờ cớng bol he in bol khai lah cau đớ jónau Yàng dê mớ kòn-bónus.

*Việc làm và lời nói chứng minh cho chúng ta họ là người nói lời của Thiên-Chúa với con người.*

Cau Juda rài yau ờr hòi cau Ala-bớ lah *Nabi*, lah cau Yàng nguì, Yàng ớn jónau Yàng dê tam nùs tồ mớ đớ mbùng bớ làng bol khai bớê bớto, làng rạc kớryăn, làng lăh-pớrhớng, mớ krung làng pớndờm-pớndiăng sớl.

*Người Do Thái thời xưa gọi ngôn sứ là **Nabi**, là người Chúa dùng, Chúa đặt lời của Chúa trong tâm hồn và trên môi miệng để họ dạy dỗ, để khuyên lơn, để khiển trách, và cũng để an ủi khích lệ nữa.*

Gen tàng jónau bol ala-bớ dê ã pràn kớrdăng, song năng, tup cau do tóm cau ne... làng yal yă tís bớ, bớta ờ song-ring mớ rôn-bớklón cau rớăh-rớbừp.

*Nên những lời của ngôn sứ khi thì mạnh mẽ, thẳng thừng, đụng người này chạm người kia ... để lên án tội lỗi như sự bất trung, sự bất công và đàn áp người nghèo.*

Mớya jónau cau ala-bớ dê krung ã rui hui mớ lớbón niam, làng pớndờm-pớndiăng, hòi jà, dong đớng ală cau gít rê wớl mớ gùng dà Yàng dê.

*Nhưng lời của ngôn sứ cũng có lúc nhẹ nhàng và êm ái, để an ủi, mời gọi và nâng đỡ những ai biết trở lại với đường lối của Chúa.*

Tam ală rớnàng yau lài làng bol Israel dê, gếh rà cau lờ ngàng, ờ bài iăt jónau cau ala-bớ Yàng dê, gen lah kồ kai bớta ớniai đờng gớlik gớ tam dà lớgar mớ tam rài kis bol khai dê.

*Trong lịch sử của dân Israel, có nhiều người ngang tàng, không muốn nghe lời ngôn sứ, đó chính là căn cơ của đại họa xảy đến trên quê hương đất nước đời sống của dân tộc họ.*

Làng bol Israel nễh gễh rơnàng roh ù dà, roh hìu duh-khoai, mớ kong bớtau lớgar Babylon sò gễh, kup jớh ală cau bớtau, bol kuang bàng, bol kớ-ớng yàng, bol pắ-sớm mớ gớnhắp-gớnoar, bol chàì rớgới, cềng pớrdô jồ-jồng hớ lớgar Babylon.

*Dân Israel đã có thời mất nước, mất đền thờ, và bị Nabucôđosor chiếm đóng, rồi bắt từ vua, các quan chức, các tư tế, những người giàu có và quyền thế, cho đến các thợ thuyền đem đi lưu đày lâu dài ở Babylon.*

Lớgar gớgớs tớrlăh-tớrling mớ hì duh-khoai lờì be hìu srao, tài bớh ở di mìnğ nễh lớh tìs mớ Yàng, mớ gắm ở bài iắt ală cau ala bớ Kớnrăñ pớyoa tus.

*Đất nước bị tàn phá và đền thờ bỏ lại như một căn nhà hoang, vì họ không những đã phạm tội với Thiên-Chúa, mà còn không nghe các ngôn sứ được Chúa sai đến.*

Tus tam rơnàng Kớnrăñ Jesu, tồm tam bòn Kớnrăñ đê, làng bol krung gắm kớldắng nùs sớl, tài bớh ở bài đờp Kớnrăñ lah tồm ală cau ala-bớ tam ală rơnàng.

*Đến thời Chúa Giêsu, chính tại nơi quê quán của Ngài, dân chúng vẫn còn cứng lòng, vì họ không đón nhận Chúa là chủ của các ngôn sứ trong mọi thời đại.*

Kớno jónau yal do tam Sră-goh, rà cau gớlớh nớtt sắ mớ ở wắ mớ lúp lah ăn behớ tắih ?

*Nghe điều này trong Kinh Thánh, nhiều người ngạc nhiên và không hiểu và đặt vấn đề tại sao thế ?*

Nễchi gớlớh cau kớldắng nùs ? Bol he rớgới gắt lah bớta kớldắng nùs gớlik gớs bớh bớta pớnhừ, cau pớnhừ krung lah cau klắm jớngo tam nùs nhóm, ở gắt Yàng mớ ở gắt sắ tồm. Cau ớm sùm tam bớta pớnhừ gen sùm ngàì mớ Yàng, dut-ndớl gớlắm tus tam gùng roh rài rài.

*Vì sao con người cứng lòng ? Chúng ta có thể biết là sự cứng lòng sản sinh từ sự kiêu ngạo, người kiêu ngạo là người tăm tối trong lòng, nên không nhận biết Chúa và không biết mình. Người ở lại trong sự kiêu ngạo thì luôn xa Chúa, cuối cùng sẽ bị đưa dẫn trên con đường hư mất đời đời.*

Sớlớ wớl mớ bớta pớnhừ lah bớta tồmù sắ, cau lờì gắt kis tồmù sắ gen cau hớ gắm lỏt tam gùng tớngklắs Kớnrăñ đê.

*Đối lại với sự kiêu ngạo là sự hạ mình xuống, ai biết hạ mình xuống thì người ấy đang đi trên con đường cứu độ của Chúa.*

Cau tồmù sắ lah cau gắt gắn sắ tồm he, ở gớs chi lờì he gễh is bớh sắ tồm he, gen tàng cau tồmù sắ rớgới gắt Kớnrăñ lah Yàng he đê.

*Người hạ mình xuống là người biết thật về mình : không có gì chúng ta tự mình mà có, nên người hạ mình xuống lại có thể biết Chúa là Thiên-Chúa của mình.*

Tam sră pŷoia bol pindŷn Kŷrintŷ in bol he rŷgŷi wă bŷta tŷmũ să cau nêh cih sră do dē, sŷlŷ dŷp he lah kŷn bŷnus ờ dŷng gen sŷlŷ gêh bŷta pràn Kŷnrăn dē dong kŷi he.

*Trong thư gửi cho tín hữu Kôrintô chúng ta hiểu sự hạ mình của tác giả thư này : càng nhận mình là con người hèn yếu thì lại càng có sức mạnh của Chúa phù trợ chúng ta.*

Bô sŷnrŷp ală bŷta tŷi mŷ bŷta chŷt lah tŷi pŷnhũ să.

Sŷlŷ wŷl, bô sŷnrŷp bŷta tŷngklàs mŷ bŷta kis lah bŷta tŷmũ să.

*Đầu mỗi của mọi sự tội và sự chết là tội kiêu ngạo,*

*Ngược lại, đầu mỗi của ơn cứu độ và con đường sự sống là sự hạ mình xuống.*

Dăn he in bŷsrăm mŷ tŷmŷng tam gũng kis Kŷnrăn bŷto : tŷmũ să bắn pŷnhũ.

*Xin cho chúng ta học hỏi và tập tành trong đường lối Chúa : hạ mình đừng kiêu ngạo*

Lm. Fx. K'Brel